

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022
và kết thúc vào ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 6 |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 7 - 8 |
| 3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét | |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | 9 - 12 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 13 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | 14 - 15 |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 16 - 51 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (dưới đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”) và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (“Công ty con”) đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 21 (lần gần nhất) ngày 25 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 369.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng. Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); dịch vụ quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng; dịch vụ tư vấn kỹ thuật bao gồm: chuẩn bị và thực hiện dự án liên quan đến kỹ thuật điện, điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hóa học, kỹ thuật dược học, kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật an toàn, kỹ thuật dự án quản lý nhà nước; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (không bao gồm khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa công trình). Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ; cơ sở kinh doanh về hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ việc buôn bán kim loại và quặng kim loại quý);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn luật, tài chính, kế toán);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). Chi tiết: bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán lẻ đèn và bộ đèn; bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm sứ, hàng thủy tinh; bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; bán lẻ thiết bị gia dụng; bán lẻ nhạc cụ; bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khóa, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Cơ sở sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------|--------------------|
| - Ông Trần Hữu Đông | Chủ tịch |
| - Ông Đỗ Huy Cường | Phó Chủ tịch |
| - Ông Lê Văn Cường | Phó Chủ tịch |
| - Ông Trương Thanh Tùng | Thành viên |
| - Ông Đào Thanh Sơn | Thành viên độc lập |
| - Ông Haihui Liu | Thành viên độc lập |

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|--------------------|--|
| - Bà Đỗ Thị Lê | Trưởng ban [miễn nhiệm từ ngày 21/04/2022] |
| - Bà Đào Thị Dung | Trưởng ban [miễn nhiệm chức danh Thành viên và bổ nhiệm chức danh Trưởng ban từ ngày 21/04/2022] |
| - Bà Phạm Thị Thảo | Thành viên |
| - Bà Hà Thị Linh | Thành viên [bổ nhiệm ngày từ 21/04/2022] |

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|--------------------------|--|
| - Ông Lê Văn Cường | Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật |
| - Ông Trương Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Vũ Thị Ngà | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Thúy Lan | Kế toán trưởng [miễn nhiệm từ ngày 06/07/2022] |
| - Bà Cao Hải Ngọc | Kế toán trưởng [bổ nhiệm từ ngày 06/07/2022] |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 đã được soát xét của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty.

Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2022

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2022

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Hữu Đông
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 006 /2022/BCSX-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") được lập ngày 24/08/2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 được trình bày từ trang 09 đến trang 51 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1752-2018-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 422.887.957.821 | 447.918.255.913 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 37.992.995.270 | 49.576.553.563 |
| Tiền | 111 | | 24.292.995.270 | 20.553.649.640 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 13.700.000.000 | 29.022.903.923 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 238.077.561.343 | 260.385.557.403 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 183.642.719.233 | 235.818.755.099 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 30.279.869.946 | 21.207.498.553 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.4 | 10.000.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5a | 22.257.832.303 | 10.507.153.599 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | 5.6 | (8.102.860.139) | (7.147.849.848) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 139.414.352.046 | 129.670.022.426 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 139.414.352.046 | 129.670.022.426 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.403.049.162 | 8.286.122.521 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8a | 4.481.815 | 11.204.545 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.390.325.288 | 8.267.269.645 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.15a | 8.242.059 | 7.648.331 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 270.666.943.766 | 269.843.454.766 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 46.000.000 | 46.000.000 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5b | 46.000.000 | 46.000.000 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 58.502.584.828 | 57.954.589.582 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 58.476.984.824 | 57.925.789.580 |
| - Nguyên giá | 222 | | 74.399.959.531 | 71.955.441.012 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (15.922.974.707) | (14.029.651.432) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | 25.600.004 | 28.800.002 |
| - Nguyên giá | 228 | | 32.000.000 | 32.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (6.399.996) | (3.199.998) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 91.594.129.212 | 91.199.697.364 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí XD/CB dở dang | 242 | 5.11 | 91.594.129.212 | 91.199.697.364 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 119.827.821.024 | 119.831.332.638 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 5.12 | 119.827.821.024 | 119.831.332.638 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*) | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 696.408.702 | 811.835.182 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8b | 676.097.148 | 811.835.182 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 20.311.554 | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 693.554.901.587 | 717.761.710.679 |

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 232.799.328.596 | 257.484.290.230 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 232.799.328.596 | 257.484.290.230 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 64.903.094.128 | 89.314.390.422 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 46.673.240.413 | 61.109.543.932 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15b | 2.806.915.809 | 3.398.959.668 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 3.588.078.077 | 2.508.511.013 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 71.589.041 | 8.420.876 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 22.201.655.495 | 11.074.082.090 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 91.282.394.768 | 87.943.477.516 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 5.19 | 1.272.360.865 | 2.126.904.713 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 460.755.572.991 | 460.277.420.449 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.20 | 460.755.572.991 | 460.277.420.449 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 369.499.950.000 | 369.499.950.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 369.499.950.000 | 369.499.950.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (4.390.693.200) | (4.390.693.200) |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 89.085.997.590 | 77.237.771.552 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 78.781.322.299 | 66.704.866.920 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 10.304.675.291 | 10.532.904.632 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 6.560.318.601 | 17.930.392.097 |
| Nguồn kinh phí | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 693.554.901.587 | 717.761.710.679 |

Ngày 24 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC 

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 184.402.018.184 | 152.605.644.663 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 184.402.018.184 | 152.605.644.663 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 154.678.632.216 | 117.750.221.359 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 29.723.385.968 | 34.855.423.304 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 583.551.941 | 100.718.367 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 591.217.972 | 1.199.222.384 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 587.841.974 | 1.199.222.384 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 24 | | (3.511.614) | 57.247.664 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 1.046.294.891 | 3.564.802.021 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 14.677.140.731 | 15.424.317.254 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 13.988.772.701 | 14.825.047.676 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 328.724.373 | 1.691.286 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 867.963.738 | 1.233.773.862 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (539.239.365) | (1.232.082.576) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 13.449.533.336 | 13.592.965.100 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.10 | 2.991.692.348 | 2.782.696.085 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 6.11 | (20.311.554) | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 10.478.152.542 | 10.810.269.015 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 10.304.675.291 | 10.380.178.214 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 173.477.251 | 430.090.801 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.12 | 279 | 326 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 279 | 326 |

Ngày 24 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 Đơn vị: VND

| KHOẢN MỤC | Mã số | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|-----------|------------------------------|------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 13.449.533.336 | 13.592.965.100 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 1.896.523.273 | 1.876.574.337 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 100.466.443 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (565.148.786) | (130.282.946) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 587.841.974 | 1.199.222.384 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 15.469.216.240 | 16.538.478.875 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 44.533.568.260 | 15.114.861.370 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (9.744.329.620) | (9.900.626.653) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (49.772.304.233) | (42.779.916.843) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 142.460.764 | 285.222.464 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (528.252.933) | (1.235.389.051) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.601.083.963) | (4.424.704.367) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (2.500.725.485) | (26.402.074.205) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (2.694.518.519) | (53.432.868.782) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn | 22 | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (10.000.000.000) | (29.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 23.800.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 272.768.459 | 507.644.872 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.421.750.060) | (58.125.223.910) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 Đơn vị: VND

| KHOẢN MỤC | Mã số | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 150.000.000.000 |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 88.110.647.479 | 133.264.399.855 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (84.771.730.227) | (136.436.853.318) |
| Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (18.474.997.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 3.338.917.252 | 128.352.549.037 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | (11.583.558.293) | 43.825.250.922 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 37.992.995.270 | 49.007.547.815 |

Ngày 24 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 21 (lần gần nhất) ngày 25 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 369.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là: cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 117 người (Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 102 người; tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 131 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

| Tên | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng | Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh | Số 47/4/6 đường số 2, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh |

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Ngành nghề kinh doanh | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên (*) | Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên | Sản xuất sản phẩm bằng kim loại | 99,00% | 99,00% |
| Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC | Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí | 90,00% | 90,00% |
| Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park | Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí | 95,00% | 95,00% |

(*) Căn cứ Thông báo số 420/TB-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc đồng ý chủ trương tách doanh nghiệp, tách dự án của Công ty TNHH HVC Hưng Yên trên địa bàn xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên thành 2 doanh nghiệp là Công ty TNHH HVC Hưng Yên (doanh nghiệp bị tách) và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên Hưng Yên (doanh nghiệp được tách). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11/01/2016, thay đổi lần gần nhất (lần 04) ngày 21/02/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 21/02/2022 là 60.000.000.000 (giảm từ 70.000.000.000 đồng xuống còn 60.000.000.000 đồng, vốn điều lệ giảm tương ứng với số vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên). Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên tại ngày 30/06/2022 là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99,00% vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2021 là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 84,86% vốn điều lệ).

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Ngành nghề kinh doanh | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------|--|------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Chí Thành (*) | Xóm Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Xây dựng nhà để ở | 44,00% | 45,00% |

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 30/06/2022 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00% (tại ngày 31/12/2021 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 42,59%).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”) và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các công trình đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 06 năm |

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm quản lý dự án 05 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Tiền mặt | 9.624.446.434 | 1.755.253.827 |
| Tiền gửi ngân hàng | 14.668.548.836 | 18.798.395.813 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 13.700.000.000 | 29.022.903.923 |
| Cộng | 37.992.995.270 | 49.576.553.563 |

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở; thời hạn 01 tháng đến 03 tháng; lãi suất 2,8%/năm đến 3,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------------------|------------------------|
| | (VND) | (VND) |
| <i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i> | 183.642.719.233 | 235.818.755.099 |
| - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm | 56.729.046.173 | 77.804.571.594 |
| - Công ty Cổ phần Vinhomes | 27.157.260.328 | 51.155.364.592 |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Danko | 13.935.598.076 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành | 13.185.134.076 | 35.690.366.250 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5 | 9.600.000.000 | 9.600.000.000 |
| - Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận | 7.032.717.514 | - |
| - Công ty Cổ phần Muchentec Việt Nam | 7.007.394.612 | - |
| - Công ty Cổ Phần Bể bơi Thông minh Spool | 5.670.741.693 | 1.717.501.940 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn | 6.830.554.831 | 10.275.292.514 |
| - Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl | 6.326.237.986 | 6.272.102.448 |
| - Các khách hàng khác | 30.168.033.944 | 43.303.555.761 |
| Cộng | 183.642.719.233 | 235.818.755.099 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| <i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i> | 30.279.869.946 | 21.207.498.553 |
| - Công ty TNHH Xây lắp Ngọc Hân | 13.140.500.000 | - |
| - Công ty Heguang Limited - Flat- Hongkong | 6.212.940.174 | - |
| - Công ty TNHH Thương Mại Thanh Mơ | 1.200.375.113 | 3.853.018.706 |
| - Các nhà cung cấp khác | 9.726.054.659 | 17.354.479.847 |
| Cộng | 30.279.869.946 | 21.207.498.553 |

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|------------------------------|-----------------------|-------------------|
| | (VND) | (VND) |
| - Công ty TNHH Sông Thao (i) | 10.000.000.000 | - |
| Cộng | 10.000.000.000 | - |

(i) Số dư về tiền cho vay tại ngày 30/06/2022 căn cứ theo Đề nghị hỗ trợ vay vốn ngày 10/02/2022 và Hợp đồng cho vay ngày 12/02/2022, với các điều khoản chi tiết sau: số tiền cho vay là 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu thanh toán tiền thuê đất của Công ty TNHH Sông Thao. Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không bảo đảm bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.5 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | 30/06/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 272.773.154 | - | 6.525.532.454 | - |
| Bảo hiểm xã hội phải thu | - | - | 1.229.800 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 18.355.633.295 | - | 976.621.161 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 3.402.352 | - | 3.402.352 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | 17.527.675.581 | - | 159.516.076 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 611.255.362 | - | - | - |
| - Các khoản ký quỹ, ký cược khác | 213.300.000 | - | 813.702.733 | - |
| Phải thu khác | 3.629.425.854 | - | 3.003.770.184 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan | 251.506.849 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Sông Thao | 251.506.849 | - | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác các bên thứ ba | 3.377.919.005 | - | 3.003.770.184 | - |
| - Lãi tiền gửi dự thu | 178.181.435 | - | 137.307.957 | - |
| - Tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu | 2.433.596.000 | - | 2.433.596.000 | - |
| - Phải thu khác | 766.141.570 | - | 432.866.227 | - |
| Cộng | 22.257.832.303 | - | 10.507.153.599 | - |

b. Phải thu dài hạn khác

| | 30/06/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|-------------------------|---------------------|----------|---------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 46.000.000 | - | 46.000.000 | - |
| Cộng | 46.000.000 | - | 46.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.6 Nợ xấu

| | 30/06/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | (VND) | | (VND) | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | 10.784.288.348 | 2.681.428.209 | 11.235.643.452 | 4.087.793.604 |
| Từ 03 năm trở lên | 712.860.984 | - | 712.860.984 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 154.253.092 | - | 154.253.092 | - |
| - Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương | 282.800.000 | - | 282.800.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO | 74.760.000 | - | 74.760.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyễn Xanh | 75.637.210 | - | 75.637.210 | - |
| - Nhà thiếu nhi Tĩnh Hải Dương | 13.975.400 | - | 13.975.400 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư DHC | 79.437.673 | - | 79.437.673 | - |
| - Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính | 31.997.609 | - | 31.997.609 | - |
| Từ 02 đến dưới 03 năm | 471.427.364 | 141.428.209 | 667.988.148 | 200.396.444 |
| - Công ty Cổ phần Milton | 435.848.744 | 130.754.623 | 435.848.744 | 130.754.623 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long | - | - | 196.560.784 | 58.968.235 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Long Thành | 35.578.620 | 10.673.586 | 35.578.620 | 10.673.586 |
| Từ 01 đến dưới 02 năm | 9.600.000.000 | 2.540.000.000 | 9.854.794.320 | 3.887.397.160 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5 | 9.600.000.000 | 2.540.000.000 | 9.600.000.000 | 3.760.000.000 |
| - Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc Tế Bắc Việt | - | - | 254.794.320 | 127.397.160 |

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Số đầu kỳ | 7.147.849.848 | 4.632.860.984 |
| Trích lập dự phòng trong kỳ | 1.220.000.000 | - |
| Hoàn nhập dự phòng trong kỳ | (264.989.709) | - |
| Số cuối kỳ | 8.102.860.139 | 4.632.860.984 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.7 Hàng tồn kho

| | 30/06/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 9.062.585.875 | - | 9.730.381.438 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 111.967.869.558 | - | 105.285.400.572 | - |
| Hàng hóa | 18.383.896.613 | - | 14.654.240.416 | - |
| Cộng | 139.414.352.046 | - | 129.670.022.426 | - |

5.8 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | 01/01/2022 (VND) | Tăng trong kỳ (VND) | Phân bổ chi phí trong kỳ (VND) | 30/06/2022 (VND) |
|------------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 11.204.545 | - | (6.722.730) | 4.481.815 |
| Cộng | 11.204.545 | - | (6.722.730) | 4.481.815 |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | 01/01/2022 (VND) | Tăng trong kỳ (VND) | Phân bổ chi phí trong kỳ (VND) | 30/06/2022 (VND) |
|------------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 811.835.182 | 63.189.600 | (198.927.634) | 676.097.148 |
| Cộng | 811.835.182 | 63.189.600 | (198.927.634) | 676.097.148 |

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Máy móc và thiết bị (VND) | Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND) | Thiết bị dụng cụ quản lý (VND) | Cộng (VND) |
|--|---------------------------------|------------------------------|--|-----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 01/01/2022 | 58.301.483.346 | 10.827.760.996 | 1.942.491.582 | 883.705.088 | 71.955.441.012 |
| Mua trong kỳ | 479.500.000 | 46.500.000 | 1.918.518.519 | - | 2.444.518.519 |
| 30/06/2022 | 58.780.983.346 | 10.874.260.996 | 3.861.010.101 | 883.705.088 | 74.399.959.531 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Giá trị còn lại của tài sản dùng để chấp, cầm cố | 39.411.474.948 | - | 344.242.351 | - | 39.755.717.299 |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.333.400.046 | 312.675.200 | 625.278.182 | - | 2.271.353.428 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| 01/01/2022 | 9.550.880.749 | 2.695.091.605 | 1.488.481.442 | 295.197.636 | 14.029.651.432 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.282.310.520 | 382.329.536 | 172.965.311 | 55.717.908 | 1.893.323.275 |
| 30/06/2022 | 10.833.191.269 | 3.077.421.141 | 1.661.446.753 | 350.915.544 | 15.922.974.707 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2022 | 48.750.602.597 | 8.132.669.391 | 454.010.140 | 588.507.452 | 57.925.789.580 |
| 30/06/2022 | 47.947.792.077 | 7.796.839.855 | 2.199.563.348 | 532.789.544 | 58.476.984.824 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý dự án.

| | Nguyên giá (VND) | Giá trị hao mòn lũy kế (VND) | Giá trị còn lại (VND) |
|-------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------|
| 01/01/2022 | 32.000.000 | 3.199.998 | 28.800.002 |
| Tăng trong kỳ | - | 3.199.998 | |
| Giảm trong kỳ | - | - | |
| 30/06/2022 | 32.000.000 | 6.399.996 | 25.600.004 |

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | 88.462.712.000 | 88.462.712.000 |
| - Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất | 3.131.417.212 | 2.736.985.364 |
| Cộng | 91.594.129.212 | 91.199.697.364 |

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

| Tên công ty | 01/01/2022 (VND) | Đầu tư mới trong kỳ (VND) | Phân chia lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết trong kỳ (VND) | 30/06/2022 (VND) |
|------------------------------|------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Công ty Cổ phần Gỗ Chí Thành | 119.831.332.638 | - | (3.511.614) | 119.827.821.024 |
| Tổng cộng | 119.831.332.638 | - | (3.511.614) | 119.827.821.024 |

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

| | 30/06/2022 | | | 01/01/2022 | | |
|---------------------------------|---------------|------------------------|--|---------------|------------------------|--|
| | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND) | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND) |
| - Công ty Cổ phần Chí Thành (*) | 44,00% | 45,00% | 119.827.821.024 | 42,59% | 45,00% | 119.831.332.638 |
| Cộng | | | 119.827.821.024 | | | 119.831.332.638 |

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 30/06/2022 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/06/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Các nhà cung cấp là bên thứ ba | 64.903.094.128 | 64.903.094.128 | 89.314.390.422 | 89.314.390.422 |
| - Công ty Cổ phần Bateco Việt Nam | 6.400.731.625 | 6.400.731.625 | 19.514.042.735 | 19.514.042.735 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Toàn Thắng | 8.419.437.455 | 8.419.437.455 | 13.542.503.700 | 13.542.503.700 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Red Ocean Việt Nam | - | - | 13.316.015.735 | 13.316.015.735 |
| - Công ty Cổ phần Bateco Việt Nam | 7.596.242.740 | 7.596.242.740 | - | - |
| - Công ty Cổ phần May Hồ Gươm | 4.016.877.786 | 4.016.877.786 | 4.016.877.786 | 4.016.877.786 |
| - Công ty TNHH Fluidra Việt Nam | 3.897.430.207 | 3.897.430.207 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Và Đầu tư Phát triển Bình Minh | - | - | 3.076.140.984 | 3.076.140.984 |
| - Các nhà cung cấp khác | 34.572.374.315 | 34.572.374.315 | 35.848.809.482 | 35.848.809.482 |
| Cộng | 64.903.094.128 | 64.903.094.128 | 89.314.390.422 | 89.314.390.422 |

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|-------------------------------------|-----------------------|
| | Các khách hàng là bên thứ ba | 46.673.240.413 |
| - Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes | 27.173.641.110 | - |
| - Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận | - | 19.541.664.901 |
| - Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải | - | 16.740.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng SCG | 8.874.498.265 | 7.554.204.115 |
| - Công ty Cổ phần Tập Đoàn Danko | - | 4.322.377.483 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam | 1.070.908.662 | 3.802.785.029 |
| - Các khách hàng khác | 9.554.192.376 | 9.148.512.404 |
| Cộng | 46.673.240.413 | 61.109.543.932 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

| | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|---------------------|---------------------|
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên | 5.203.421 | 5.375.926 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 5.203.421 | 5.375.926 |
| Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park | 3.038.638 | 2.272.405 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 3.038.638 | 2.272.405 |
| Cộng | 8.242.059 | 7.648.331 |

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 30/06/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC | 1.766.412.476 | 1.766.412.476 | 498.659.487 | 498.659.487 |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | - | 4.805.000 | 4.805.000 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.741.030.724 | 1.741.030.724 | 493.751.029 | 493.751.029 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 25.381.752 | 25.381.752 | 103.458 | 103.458 |
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên | 461.727.193 | 461.727.193 | 723.291.194 | 723.291.194 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 461.727.193 | 461.727.193 | 723.291.194 | 723.291.194 |
| Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC | 322.508.750 | 322.508.750 | 680.445.517 | 680.445.517 |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | - | 354.276.757 | 354.276.757 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 322.508.750 | 322.508.750 | 326.019.613 | 326.019.613 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | - | 149.147 | 149.147 |
| Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park | 256.267.390 | 256.267.390 | 1.496.563.470 | 1.496.563.470 |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | - | 685.555.004 | 685.555.004 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 219.412.020 | 219.412.020 | 811.008.466 | 811.008.466 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 36.855.370 | 36.855.370 | - | - |
| Cộng | 2.806.915.809 | 2.806.915.809 | 3.398.959.668 | 3.398.959.668 |

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| | (VND) | (VND) |
| - Chi phí lãi vay | 59.589.041 | 8.420.876 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.000.000 | - |
| Cộng | 71.589.041 | 8.420.876 |

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| - Bảo hiểm bắt buộc | 214.175.152 | - |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm (i) | 11.987.480.343 | 10.698.690.103 |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên (ii) | 10.000.000.000 | - |
| - Các khoản phải trả khác | - | 375.391.987 |
| Cộng | 22.201.655.495 | 11.074.082.090 |

(i) Đây là khoản phải trả về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần May Chiến Thắng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HĐHTKD/HVC-MCT. ngày 20 tháng 01 năm 2021. Theo đó, Công ty hợp tác để thực hiện Dự án khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Công ty Cổ phần May Chiến Thắng ủy quyền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm chuyển tiền hợp tác đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC để thực hiện dự án.

(ii) Là khoản phải trả phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên trong Công ty TNHH HVC Hưng Yên (công ty con của Công ty) theo Thông báo số 420/TB-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên về chủ trương tách doanh nghiệp, tách dự án của Công ty TNHH HVC Hưng Yên trên địa bàn xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | 30/06/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 91.282.394.768 | 91.282.394.768 | 87.943.477.516 | 87.943.477.516 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | 81.282.394.768 | 81.282.394.768 | 87.943.477.516 | 87.943.477.516 |
| - Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014 và các phụ lục(i) | 6.273.904.830 | 6.273.904.830 | 16.524.837.472 | 16.524.837.472 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021 (ii) | 10.291.842.773 | 10.291.842.773 | 51.956.776.166 | 51.956.776.166 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021256892/HDHMCK ngày 20/10/2021 (iii) | 41.399.943.530 | 41.399.943.530 | 7.303.164.335 | 7.303.164.335 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021 (iv) | 285.616.526 | 285.616.526 | 285.616.526 | 285.616.526 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021242137/HDHMCK ngày 30/10/2021 (v) | 4.181.157.224 | 4.181.157.224 | 429.501.043 | 429.501.043 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021 (vi) | 2.762.036.019 | 2.762.036.019 | 7.295.495.626 | 7.295.495.626 |
| - Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256904/HĐHM/CK/TCB-HVCPARK ngày 20/10/2021 (vii) | 10.388.387.516 | 10.388.387.516 | 4.148.086.348 | 4.148.086.348 |
| - Hợp đồng tín dụng số HS0201912765135/HDTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HS0201912765135/HDTD/PL2010 ngày 20/10/2021 (viii) | 5.699.506.350 | 5.699.506.350 | - | - |
| Công ty Cổ phần Bể Bơi Thông Minh Spool (ix) | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 91.282.394.768 | 91.282.394.768 | 87.943.477.516 | 87.943.477.516 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn

| | 01/01/2022 (VND) | Nhận tiền vay trong kỳ (VND) | Trả tiền vay trong kỳ (VND) | 30/06/2022 (VND) |
|--|-----------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn | 87.943.477.516 | 88.110.647.479 | (84.771.730.227) | 91.282.394.768 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | | | | |
| - Hội sở | 87.943.477.516 | 69.610.647.479 | (76.271.730.227) | 81.282.394.768 |
| - Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014 và các phụ lục(i) | 16.524.837.472 | 6.273.904.830 | (16.524.837.472) | 6.273.904.830 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021 (ii) | 51.956.776.166 | - | (41.664.933.393) | 10.291.842.773 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021256892/HDHMCK ngày 20/10/2021 (iii) | 7.303.164.335 | 43.497.192.602 | (9.400.413.407) | 41.399.943.530 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021 (iv) | 285.616.526 | - | - | 285.616.526 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021242137/HDHMCK ngày 30/10/2021 (v) | 429.501.043 | 3.751.656.181 | - | 4.181.157.224 |
| - Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021 (vi) | 7.295.495.626 | - | (4.533.459.607) | 2.762.036.019 |
| - Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HSO2021256904/HĐHM/CK/TCB- HVC/PARK ngày 20/10/2021 (vii) | 4.148.086.348 | 10.388.387.516 | (4.148.086.348) | 10.388.387.516 |
| - Hợp đồng tín dụng số HSO201912765135/HDTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HSO201912765135/HDTD/PL2010 ngày 20/10/2021 (viii) | - | 5.699.506.350 | - | 5.699.506.350 |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | - | 8.500.000.000 | (8.500.000.000) | - |
| Công ty Cổ phần Bể Bơi Thông Minh Spool (ix) | - | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 |
| Cộng | 87.943.477.516 | 88.110.647.479 | (84.771.730.227) | 91.282.394.768 |

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014, Phụ lục số HS020140019/HĐHMTD/PL.256892 ngày 20/10/2021 với hạn mức tín dụng là 285.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 90.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 135.000.000.000 đồng, hạn mức L/C là 30.000.000.000 đồng, hạn mức chiết khấu Bộ chứng từ kèm hối phiếu theo Phương thức thanh toán trả sau là 150.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết phụ lục, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021 với hạn mức chiết khấu bộ chứng từ kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu thỏa thuận được quy định cụ thể trên Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán trả sau được lập theo mỗi lần chiết khấu. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày 18/06/2021, thời hạn chiết khấu được xác định cụ thể tại đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức trả sau tại từng lần chiết khấu, tối đa là 1 năm.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hồi phiếu đòi nợ số HS02021256892/HĐHM/CK/TCB-HVC ngày 20/10/2021 với giá trị hạn mức chiết khấu là 150.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hồi phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

(iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021 với hạn mức chiết khấu bộ chứng từ kèm hồi phiếu theo phương thức trả sau trị giá 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất chiết khấu bộ chứng từ được quy định cụ thể trên Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức trả sau được lập theo mỗi lần chiết khấu. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn chiết khấu được xác định cụ thể tại Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán trả sau tại từng lần giải ngân chiết khấu, tối đa là 1 năm.

(v) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hồi phiếu đòi nợ số HS02021242137/HĐHM/CK/TCB-HVC ME ngày 20/10/2021 với giá trị hạn mức chiết khấu là 20.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong Đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hồi phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

(vi) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021 với hạn mức chiết khấu bộ chứng từ kèm hồi phiếu theo phương thức trả sau trị giá 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu thỏa thuận được quy định cụ thể trên Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán trả sau được lập theo mỗi lần chiết khấu. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn chiết khấu được xác định cụ thể tại từng lần giải ngân chiết khấu, tối đa là 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

(vii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256904/HĐHM/CK/TCB-HVCPARK ngày 20/10/2021 với giá trị hạn mức chiết khấu là 30.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong Đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

(viii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS0201912765135/HDTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HS0201912765135/HDTD/PL2010 ngày 20/10/2021 với hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 17.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 30.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Techcombank quy định. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 20/10/2021 đến hết ngày 20/10/2022, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ được quy định cụ thể tại đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể như sau:

- + Hợp đồng thế chấp số HSO201700599 ngày 12/04/2017 là xe ô tô Ford Ranger XLS 29C 759.29 thuộc sở hữu của Công ty.
- + Hợp đồng thế chấp số HSO201812333176 ngày 12/12/2018 là xe ô tô Kia Rondo 30F 47892 thuộc sở hữu của Công ty.
- + Hợp đồng thế chấp số HSO201912702165/HDTC ngày 30/10/2019 là nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu của Công ty TNHH HVC Hưng Yên.
- + Hợp đồng thế chấp số HSO202012909659/HDTC ngày 04/03/2020 là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán bất động sản tại "Dự án Hồ Gươm Plaza" thuộc sở hữu của Công ty.

(ix) Là khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Bể bơi Thông Minh Spool theo Hợp đồng vay tiền số 0106/2022/HDV/HVCHUNGYEN-SPOOL ngày 01/06/2022. Số tiền vay là 10.000.000.000 đồng, lãi suất vay 7,5%/năm, thời hạn cho vay là 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.19 Dự phòng phải trả

| | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| - Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 1.272.360.865 | 2.126.904.713 |
| Cộng | 1.272.360.865 | 2.126.904.713 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC
 Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

5.20 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND) | Thặng dư vốn cổ phần (VND) | Lợi nhuận chưa phân phối (VND) | Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND) | Tổng (VND) |
|---|---------------------------------|----------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| 01/01/2021 | 219.499.950.000 | (4.390.693.200) | 85.179.864.420 | 16.980.816.835 | 317.269.938.055 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 10.532.904.632 | 949.575.262 | 11.482.479.894 |
| Tăng vốn trong năm trước | 150.000.000.000 | - | - | - | 150.000.000.000 |
| Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 19/06/2021 | - | - | (18.474.997.500) | - | (18.474.997.500) |
| 31/12/2021 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 77.237.771.552 | 17.930.392.097 | 460.277.420.449 |
| 01/01/2022 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 77.237.771.552 | 17.930.392.097 | 460.277.420.449 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 10.304.675.291 | 173.477.251 | 10.478.152.542 |
| Thay đổi tỷ lệ và phần sở hữu của cổ đông mẹ và cổ đông không kiểm soát khi công ty con giảm vốn | - | - | 1.543.550.747 | (11.543.550.747) | (10.000.000.000) |
| 30/06/2022 | 369.499.950.000 | (4.390.693.200) | 89.085.997.590 | 6.560.318.601 | 460.755.572.991 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|----------------------------------|--|--|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu kỳ | 369.499.950.000 | 219.499.950.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | 150.000.000.000 |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 369.499.950.000 | 369.499.950.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | 18.474.997.500 |

Cổ phiếu

| | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
|---|---------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.949.995 | 36.949.995 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 36.949.995 | 36.949.995 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.949.995 | 36.949.995 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 36.949.995 | 36.949.995 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.949.995 | 36.949.995 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|---|--|--|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 33.886.794.575 | 3.192.966.817 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 14.774.798.343 | 8.875.689.890 |
| - Doanh thu thi công lắp đặt công trình | 135.740.425.266 | 140.536.987.956 |
| Doanh thu thuần | 184.402.018.184 | 152.605.644.663 |

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|---------------------------------------|--|--|
| - Giá vốn hàng hóa | 31.332.957.935 | 1.575.033.081 |
| - Giá vốn thành phẩm | 10.685.536.674 | 4.785.081.615 |
| - Giá vốn thi công lắp đặt công trình | 112.660.137.607 | 111.390.106.663 |
| Cộng | 154.678.632.216 | 117.750.221.359 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|----------------------------------|--|--|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 480.394.002 | 100.663.643 |
| - Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư | 99.529.047 | - |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 3.628.892 | 54.724 |
| Cộng | 583.551.941 | 100.718.367 |

6.4. Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|--|--|--|
| - Chi phí lãi vay | 587.841.974 | 1.199.222.384 |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 3.375.998 | - |
| Cộng | 591.217.972 | 1.199.222.384 |

6.5. Chi phí bán hàng

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|-----------------------------|--|--|
| - Chi phí bảo hành | (771.786.109) | 26.821.621 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 261.116.000 | 649.105.400 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 1.556.965.000 | 2.888.875.000 |
| Cộng | 1.046.294.891 | 3.564.802.021 |

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|-------------------------------------|--|--|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 8.975.069.012 | 10.447.571.495 |
| - Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý | 450.724.590 | 295.034.758 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.458.271.208 | 1.501.519.803 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 551.028.095 | 448.916.428 |
| - Trích/hoàn nhập chi phí dự phòng | 955.010.291 | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.757.879.934 | 1.841.992.995 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 529.157.601 | 889.281.775 |
| Cộng | 14.677.140.731 | 15.424.317.254 |

6.7. Thu nhập khác

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|-------------------------------------|--|--|
| - Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng | 262.343.297 | - |
| - Thu nhập khác | 66.381.076 | 1.691.286 |
| Cộng | 328.724.373 | 1.691.286 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.8. Chi phí khác

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|--------------------------------------|--|--|
| - Phạt vi phạm hợp đồng | 18.690.941 | - |
| - Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính | 149.835.633 | 107.754.946 |
| - Chi phí khác | 699.437.164 | 1.126.018.916 |
| Cộng | 867.963.738 | 1.233.773.862 |

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|---------------------------------|--|--|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 109.140.121.173 | 110.402.748.061 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 355.381.685 | 2.428.590.610 |
| - Chi phí nhân công | 28.733.738.743 | 41.548.828.611 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.896.523.273 | 1.876.574.337 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.967.328.419 | 4.377.229.438 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 2.548.796.518 | 4.053.377.359 |
| Cộng | 150.641.889.811 | 164.687.348.416 |

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|--|--|--|
| - Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC) | 1.973.010.561 | 1.281.566.356 |
| - Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên) | 461.727.193 | 295.310.031 |
| - Phát sinh tại công ty con (C Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC) | 322.508.750 | 151.012.221 |
| - Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park) | 234.445.844 | 1.054.807.476 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.991.692.348 | 2.782.696.085 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|---|--|--|
| Chênh lệch tạm thời từ lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong năm | (101.557.770) | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (20.311.554) | - |

6.12. Lãi trên cổ phiếu

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 10.304.675.291 | 10.380.178.214 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 10.304.675.291 | 10.380.178.214 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 36.949.995 | 31.824.376 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 279 | 326 |

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 10.304.675.291 | 10.380.178.214 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 10.304.675.291 | 10.380.178.214 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 36.949.995 | 31.824.376 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm ^(*) | - | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 279 | 326 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Cổ phiếu) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (Cổ phiếu) |
|---|---|---|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 36.949.995 | 21.949.995 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành (tái phát hành cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành (i) | - | 9.874.381 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>36.949.995</u> | <u>31.824.376</u> |

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) |
|--|--|
| Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác chưa chi | 144.431.848 |
| Lãi TGNH, lãi cho vay chưa thu | 424.555.681 |
| Lãi vay chưa trả | 59.589.041 |
| Lãi tiền gửi chưa thu được bằng tiền năm trước thu trong năm nay | (26.313.920) |
| Chưa hoàn trả vốn góp cho chủ sở hữu | 10.000.000.000 |

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 của Nhóm Công ty.

8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022 đã được soát xét của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.3. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|---|--|--|
| Ông Lê Văn Cường - Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật | 170.750.000 | 168.053.901 |
| Ông Đỗ Huy Cường – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 152.850.000 | 168.053.901 |
| Ông Trương Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc | 155.350.000 | 168.053.901 |
| Bà Vũ Thị Ngà – Phó Tổng Giám | 152.850.000 | 138.494.858 |
| Cộng | 631.800.000 | 642.656.560 |

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|-------------------------|--|--|
| Ông Lê Văn Cường | | |
| Tạm ứng | - | 3.000.000.000 |
| Vay trong kỳ | - | 2.000.000.000 |
| Trả tiền vay trong kỳ | - | (2.000.000.000) |
| Trả tiền lãi vay | - | 13.742.466 |

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, không có số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan
- Công ty TNHH Sông Thao

Mối quan hệ
Công ty có cổ đông sở hữu trên 10% là người liên qua của thành viên Ban Tổng Giám đốc

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (VND) | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND) |
|-------------------------------|--|--|
| Công ty TNHH Sông Thao | | |
| Cho vay | 10.000.000.000 | - |
| Lãi cho vay | 251.506.849 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|-------------------------|-----------------------|-------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Phải thu khác | 251.506.849 | - |
| Công ty TNHH Sông Thao | 251.506.849 | - |
| Phải thu cho vay | 10.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Sông Thao | 10.000.000.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | 10.251.506.849 | - |

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm (VND) | Từ 1 năm trở lên (VND) | Tổng cộng (VND) |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|
| 30/06/2022 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 37.992.995.270 | - | 37.992.995.270 |
| Phải thu khách hàng | 183.642.719.233 | - | 183.642.719.233 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 22.257.832.303 | 46.000.000 | 22.303.832.303 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng | (8.102.860.139) | - | (8.102.860.139) |
| Tổng cộng | 245.790.686.667 | 46.000.000 | 245.836.686.667 |
| 30/06/2022 | | | |
| Phải trả cho người bán | (64.903.094.128) | - | (64.903.094.128) |
| Phải trả khác | (22.201.655.495) | - | (22.201.655.495) |
| Chi phí phải trả | (71.589.041) | - | (71.589.041) |
| Vay và nợ thuê tài chính | (91.282.394.768) | - | (91.282.394.768) |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | (1.272.360.865) | - | (1.272.360.865) |
| Tổng cộng | (179.731.094.297) | - | (179.731.094.297) |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 66.059.592.370 | 46.000.000 | 66.105.592.370 |
| 01/01/2022 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 49.576.553.563 | - | 49.576.553.563 |
| Phải thu khách hàng | 235.818.755.099 | 46.000.000 | 235.864.755.099 |
| Các khoản phải thu khác | 10.507.153.599 | - | 10.507.153.599 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng | (7.147.849.848) | - | (7.147.849.848) |
| Tổng cộng | 288.754.612.413 | 46.000.000 | 288.800.612.413 |
| 01/01/2022 | | | |
| Phải trả cho người bán | (89.314.390.422) | - | (89.314.390.422) |
| Phải trả khác | (11.074.082.090) | - | (11.074.082.090) |
| Chi phí phải trả | (8.420.876) | - | (8.420.876) |
| Vay và nợ thuê tài chính | (87.943.477.516) | - | (87.943.477.516) |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | (2.126.904.713) | - | (2.126.904.713) |
| Tổng cộng | (190.467.275.617) | - | (190.467.275.617) |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 98.287.336.796 | 46.000.000 | 98.333.336.796 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

| | Giá trị kế toán | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) | 30/06/2022 (VND) | 01/01/2022 (VND) |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 37.992.995.270 | 49.576.553.563 | 37.992.995.270 | 49.576.553.563 |
| Phải thu khách hàng | 183.642.719.233 | 235.818.755.099 | 175.539.859.094 | 228.670.905.251 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu khác | 22.303.832.303 | 10.553.153.599 | 22.303.832.303 | 10.553.153.599 |
| Tổng cộng | 253.939.546.806 | 295.948.462.261 | 245.836.686.667 | 288.800.612.413 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 64.903.094.128 | 89.314.390.422 | 64.903.094.128 | 89.314.390.422 |
| Phải trả khác | 22.201.655.495 | 11.074.082.090 | 22.201.655.495 | 11.074.082.090 |
| Chi phí phải trả | 71.589.041 | 8.420.876 | 71.589.041 | 8.420.876 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 91.282.394.768 | 87.943.477.516 | 91.282.394.768 | 87.943.477.516 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 1.272.360.865 | 2.126.904.713 | 1.272.360.865 | 2.126.904.713 |
| Tổng cộng | 179.731.094.297 | 190.467.275.617 | 179.731.094.297 | 190.467.275.617 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022

8.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bơi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

| | Bán hàng hóa (VND) | Bán thành phẩm (VND) | Dịch vụ thi công lắp đặt (VND) | Tổng cộng (VND) |
|---|-----------------------|-------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận | 33.886.794.575 | 14.774.798.343 | 135.740.425.266 | 184.402.018.184 |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận | (31.332.957.935) | (10.685.536.674) | (112.660.137.607) | (154.678.632.216) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận | 2.553.836.640 | 4.089.261.669 | 23.080.287.659 | 29.723.385.968 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (15.723.435.622) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 13.999.950.346 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | | (3.511.614) |
| Doanh thu tài chính | | | | 583.551.941 |
| Chi phí tài chính | | | | (591.217.972) |
| Thu nhập khác | | | | 328.724.373 |
| Chi phí khác | | | | (867.963.738) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (2.991.692.348) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | 20.311.554 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 10.478.152.542 |

Ngày 24 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường